

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA SÚP
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2022/HNGĐ-ST
Ngày 22 tháng 8 năm 2022
V/v “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA SÚP, TỈNH ĐẮK LẮK**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Hoài

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hồng và ông Vũ Đức Năm

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Đức Nguyên Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea Súp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp tham gia phiên tòa:

Ông Lê Minh Thuận – Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 8 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ea Súp xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 103/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2022. Về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 30/2022/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị G**, sinh năm 1983

Trú tại: Thôn A, xã I, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt)

Bị đơn: **Anh Hoàng Văn Đ**, sinh năm 1984

Trú tại: Thôn A, xã I, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản làm việc và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị G trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đ chung sống với nhau vào năm 2004 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 29 tháng 8 năm 2004. Thời gian đầu chung sống cuộc sống vợ chồng hạnh phúc nhưng sau đó vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, bất đồng trong quan điểm sống, tính tình không còn hòa

hợp. Anh Đ hay đi làm ăn xa, không quan tâm tới gia đình, vợ, con. Chị và anh Đ đã sống ly thân với nhau từ khoảng năm 2019 đến nay. Chị đã suy nghĩ rất kỹ về tình cảm vợ chồng nhưng đến nay thì quan hệ hôn nhân giữa chị và anh Đ không thể hàn gắn lại được. Chị nhận thấy hiện nay tình cảm vợ chồng không còn tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Chị và anh Đ có 02 con chung là Hoàng Thị T, sinh ngày 06/11/2004 và Nguyễn Hoàng Anh T, sinh ngày 07/12/2012. Sau khi ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung cho đến khi đủ 18 tuổi. Tại đơn khởi kiện chị G yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi cả 02 con chung với mức 1.000.000 đồng một tháng đối với mỗi con chung từ khi ly hôn đến khi 02 con đủ 18 tuổi, nhưng tại phiên hòa giải và tại phiên tòa chị xin thay đổi yêu cầu, chị nhận thấy anh Đ là một người bố không có trách nhiệm với con và chị làm công nhân tại Công ty cổ phần M, có thu nhập ổn định, có đủ điều kiện tự nuôi được 02 con nên chị không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Ea Súp đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn anh Hoàng Văn Đ, nhưng anh Đ không đến làm việc, vắng mặt không có lý do, nên không thể tiến hành làm bản tự khai, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải được. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Ea Súp căn cứ vào Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự, lập biên bản không tiến hành phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải được.

Quá trình thu thập chứng cứ giải quyết vụ án, Tòa án huyện Ea Súp đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của chị G và anh Đ. Qua xác minh tại địa phương thì được biết anh Đ làm nghề lái xe, thường xuyên đi làm xa, ít khi về nhà, ít quan tâm chăm sóc cho vợ, con. Quá trình giải quyết vụ án chị G kiên quyết xin được ly hôn với anh Đ, còn anh Đ không đến Tòa án làm việc, nên không thể tiến hành hoà giải được. Do đó căn cứ Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Ea Súp đưa vụ án ra xét xử.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án và Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật; Bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Gấm được ly hôn với anh Đ. Về con chung đề nghị giao cả 02 con chung cho

chị G trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng: Chị G không yêu cầu nên anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và công nợ: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án; Ý kiến của Kiểm sát viên, của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị G có đơn yêu cầu giải quyết vấn đề hôn nhân, con chung giữa chị với anh Hoàng Văn Đ, địa chỉ thôn A, xã I, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Vì vậy, đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ea Súp theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Đ, nhưng anh Đ không có ý kiến gì về nội dung khởi kiện của chị G. Tại phiên tòa, anh Đ vắng mặt lần thứ hai, không phải vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Đ.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị G và anh Đ chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện không bên nào bị ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 29 tháng 8 năm 2004 là quan hệ hôn nhân hợp pháp, phù hợp theo quy định tại Điều 8 và 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Qua xác minh tại chính quyền địa phương nơi chị G và anh Đ sinh sống thì trong quá trình chung sống anh Đ làm nghề lái xe, thường xuyên đi làm xa nhà, ít khi về nhà, ít quan tâm chăm sóc cho vợ, con. Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án chị G kiên quyết yêu cầu ly hôn với anh Đ. Như vậy, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng chị G và anh Đ đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận xử cho chị G được ly hôn với anh Đ là phù hợp.

[4] Về con chung: Chị G và anh Đ có 02 con chung là Hoàng Thị T, sinh ngày 06/11/2004 và Nguyễn Hoàng Anh T, sinh ngày 07/12/2012. Trong quá trình giải quyết vụ án chị G có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả 02 con chung cho đến khi đủ 18 tuổi. Xét thấy, nguyện vọng của chị G là hợp pháp chị có đủ các điều kiện để nuôi con, hơn nữa nguyện vọng của 02 cháu cũng muốn ở với mẹ. Đối với công việc của Đ là lái xe, thường xuyên đi làm xa, ít khi về nhà nên khó có điều kiện để chăm sóc và nuôi dưỡng các con, quá trình giải quyết vụ án anh Đ không có ý kiến gì về con chung. Hội đồng xét xử nhận thấy nên giao 02 con chung là cháu Hoàng Thị T và cháu Nguyễn Hoàng Anh T cho chị G trực

tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với các Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Xét thấy chị G xin thay đổi về cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung nên anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên, nếu sau này giữa chị G và anh Đ có phát sinh tranh chấp về nuôi dưỡng con chung và cấp dưỡng nuôi con mà không tự thỏa thuận được thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác.

[6] Về tài sản chung và công nợ: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết. Đây là quyền định đoạt của các đương sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và không đặt ra giải quyết trong vụ án này về phân chia tài sản chung và công nợ. Tuy nhiên, nếu sau này giữa chị G và anh Đ có phát sinh tranh chấp về chia tài sản và nợ mà không tự thỏa thuận được thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 Ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc chị G phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[8] Xét lời phát biểu của Kiểm sát viên là có cơ sở cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 203; điểm b khoản 2 Điều 227; 235; 271; 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 51; 56; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 Ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị G đối với anh Hoàng Văn Đ về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị G được ly hôn với anh Hoàng Văn Đ.

Về con chung: Giao cả 02 con chung là cháu Hoàng Thị T, sinh ngày 06/11/2004 và cháu Nguyễn Hoàng Anh T, sinh ngày 07/12/2012 cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi 02 cháu đủ 18 tuổi.

Chị G không được quyền cản trở anh Đ đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị G không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ: Chị G và anh Đ không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị G phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu số 0010276 ngày 14 tháng 3 năm 2022 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Ea Súp.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Ea Súp;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- THADS huyện E;
- UBND xã I, huyện E;
- UBND xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Thị Hoài